

TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA NHÀ NƯỚC QUA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Đình Văn Sơn *

*K*hông hoảng kinh tế toàn cầu đã đưa ra lời cảnh báo đối với mọi quốc gia trong việc đảm bảo an toàn tín dụng, hạn chế thấp nhất những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra. Ở nước ta, Chính phủ đã thực hiện những giải pháp tích cực và bước đầu mang lại hiệu quả trong việc kích thích phát triển kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu và điều quan trọng là vẫn đảm bảo sự ổn định và thống nhất trong toàn hệ thống ngân hàng. Đặc biệt chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước qua ngân hàng Phát triển Việt Nam đã mang lại những cải tiến đáng kể về lãi suất cho vay, quy trình, nghiệp vụ cho vay..., tạo cơ hội cho nhiều doanh nghiệp trong việc tiếp cận với nguồn vốn tín dụng xuất khẩu. Tuy nhiên một số hạn chế về nguồn vốn, về hình thức cho vay, về thủ tục, quy trình thẩm định, phê duyệt và giải ngân... trong thời gian qua đã không chỉ ảnh hưởng đến quá trình tiếp cận nguồn vốn tín dụng này của các doanh nghiệp mà còn giảm hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Do vậy, tháo gỡ những vướng mắc đó là đòi hỏi cấp thiết nhằm hỗ trợ đắc lực cho tăng trưởng xuất khẩu và ổn định kinh tế vĩ mô giai đoạn hiện nay.

Đẩy mạnh và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu là một mục tiêu chiến lược trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu chiến lược này, Chính phủ có thể sử dụng các công cụ, chính sách và biện pháp khác nhau, trong đó tín dụng xuất khẩu là công cụ có vai trò hết sức quan trọng.

Ở Việt Nam, kể từ khi Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPTVN) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động tháng 5/2006, chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước được triển khai thực hiện thông qua tổ chức này. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện chính sách tín dụng xuất khẩu, nhiều vấn đề bất cập đã và đang nảy sinh. Các sản phẩm tín dụng xuất khẩu của NHPTVN còn hạn chế, chủ yếu vẫn thiên về các sản phẩm hỗ trợ trực tiếp - không phù hợp với các quy định của WTO. Các sản phẩm hỗ trợ gián tiếp hầu như chưa được triển khai, chất lượng sản phẩm còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của khách hàng...

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc tiếp tục nghiên cứu để tìm kiếm giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tín dụng xuất khẩu của

NHPTVN nhằm hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam đã là thành viên chính thức của WTO là rất cần thiết, phù hợp với chiến lược phát triển nền kinh tế quốc dân.

Trong phạm vi khuôn khổ của bài viết này, tác giả sẽ nghiên cứu tín dụng của Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp theo hai nội dung là thực trạng và những giải pháp cần thiết nhằm từng bước hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của tín dụng Nhà nước hỗ trợ xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới, từng bước tiếp cận với các thông lệ quốc tế và phù hợp với các cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO.

1. Thực trạng tín dụng Nhà nước hỗ trợ xuất khẩu

Với mục tiêu tạo ra một hệ thống chính sách đồng bộ về tín dụng ưu đãi đối với hoạt động sản xuất, gia công chế biến, kinh doanh xuất khẩu, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 về tín dụng

* PGS. TS., Trường Đại học Thương mại

Bảng 1: Dư nợ bình quân tín dụng xuất khẩu của Nhà nước (2006-2008)

STT	Dư nợ bình quân	2006	2007	2008
1	Thủ tướng Chính phủ giao (tỉ đồng)	3.500	2.500	7-8.000
2	Thực hiện (tỉ đồng)	3.000	2.878	10.023*
3	Tỉ lệ hoàn thành kế hoạch (%)	86,7	115	143

Nguồn: Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Ghi chú: (*) số liệu 11 tháng đầu năm 2008

đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Ngày 19/9/2008 Chính phủ ban hành Nghị định số 106/2008/NĐ-CP về sửa đổi tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, nhưng không sửa đổi tín dụng xuất khẩu. Do vậy, Nghị định số 151 được coi

là văn bản chính thức mang tính bao quát và điều chỉnh các hoạt động tín dụng xuất khẩu của Chính phủ Việt Nam tính đến thời điểm hiện nay.

Mặc dù chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước mới đi vào cuộc sống hơn 2 năm nhưng đã được nhiều doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam tiếp cận sử dụng và đã tháo gỡ được phần nào khó khăn về vốn cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Điều này thể hiện ở những kết quả chính sau đây:

Thứ nhất, dư nợ bình quân tín dụng xuất khẩu của NHPTVN luôn đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao (xem số liệu bảng 1).

Thứ hai, danh mục các mặt hàng, đối tượng doanh nghiệp cho vay được mở rộng.

Chính sách tín dụng xuất khẩu mới cho phép NHPTVN cho vay đối với tất cả các loại hình

doanh nghiệp, với điều kiện mặt hàng vay vốn thực hiện xuất khẩu thuộc danh mục mặt hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Mặc dù một số mặt hàng thuộc đối tượng vay tại Quỹ Hỗ trợ phát triển trước đây (hàng dệt kim, khăn bông) không thuộc đối tượng vay vốn kể từ năm 2007, nhưng chính sách mới cho phép bổ sung khá nhiều mặt hàng (cấu kiện thiết bị toàn bộ và thiết bị toàn bộ, máy biến thế các loại, sản phẩm nhựa phục vụ công nghiệp và xây dựng...). Điều đó đã tạo cơ hội cho nhiều doanh nghiệp trong việc tiếp cận với nguồn vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước (xem số liệu bảng 2).

Thứ ba, lãi suất cho vay được điều chỉnh nâng lên gần tiệm cận với lãi suất thị trường, một mặt vẫn đảm bảo cho việc hỗ trợ xuất khẩu, mặt khác hướng tới từng bước phù hợp với các quy định của WTO.

Bảng 2: Tình hình cho vay xuất khẩu của Nhà nước (2006-2008)

Chỉ tiêu	ĐVT	2006	2007	2008 *
Tổng doanh số cho vay	tỉ đồng	8.200	9.521	25.236
Trong đó				
1. Phân theo mặt hàng				
- Gạo	%	3,01	13,82	15,45
- Thủy, hải sản	%	54,3	38,44	50,04
- Đồ gỗ	%	2,77	5,91	4,44
- Dệt kim	%	0,61	0	0
- Điều	%	8,54	3,57	4,76
- Cà phê	%	10,9	14,62	7,13
- Tàu biển	%	0	2,11	5,55
- Mặt hàng khác	%	20,4	21,52	12,63
2. Phân theo loại hình doanh nghiệp				
- Doanh nghiệp nhà nước	%	52,41	43,86	39,97
- Công ty TNHH	%	24,76	18,79	20,74
- Công ty cổ phần	%	13,29	26,23	34,47
- Doanh nghiệp tư nhân	%	7,32	10,21	4,53
- Khác	%	2,22	0,91	0,29

Nguồn: Ngân hàng phát triển Việt Nam

Ghi chú: (*) số liệu 11 tháng đầu năm 2008

Trong quá trình điều hành lãi suất tín dụng xuất khẩu, hơn 2 năm qua NHPTVN luôn chú trọng đến chính sách lãi suất linh hoạt, vừa bảo đảm phù hợp với các yếu tố thị trường vừa đảm bảo tính hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn khủng hoảng. Ví dụ: trong 6 tháng đầu năm 2008, khi lãi suất cho vay trên thị trường tăng nóng, đỉnh điểm có lúc lên đến 20-21%/ năm, từ chỗ lãi suất tín dụng xuất khẩu là

8,7%/ năm, NHPTVN đã nghiên cứu điều chỉnh lãi suất lên mức 16,2%/ năm. Khi Ngân hàng Nhà nước công bố giảm lãi suất cơ bản liên tục và cuộc đua tăng lãi suất của các NHTM cũng đã hạ nhiệt dần, NHPTVN đã chủ động điều chỉnh giảm lãi suất tín dụng xuất khẩu, giai đoạn cuối tháng 10 đến cuối tháng 11, trong 1 tháng đã điều chỉnh lãi suất 3 lần.

Thứ tư, cơ chế đảm bảo tiền vay, quy trình nghiệp vụ cho vay có sự cải tiến, đảm bảo sự ổn định và thống nhất trong toàn hệ thống.

Việc ban hành Nghị định 151/2006/NĐ-CP và 163/2006/NĐ-CP cho phép NHPTVN áp dụng linh hoạt các hình thức đảm bảo tiền vay (cho vay có tài sản đảm bảo, tín chấp, bảo lãnh bằng quyền thu nợ tài sản hình thành từ vốn vay...), mức giá trị đảm bảo (tuỳ thuộc vào uy tín của doanh nghiệp vay trên thị trường và uy tín trong quan hệ tín dụng nói chung, quan hệ tín dụng với NHPTVN nói riêng). Bên cạnh đó, ngân hàng cũng đã chủ động triển khai nghiên cứu và khẩn trương ban hành quy chế Quản lý vốn tín dụng xuất khẩu và Sổ tay nghiệp vụ tín dụng xuất khẩu làm cơ sở cho quá trình triển khai nghiệp vụ được thống nhất trong toàn hệ thống, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động, đảm bảo sự công bằng trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng này của các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu...

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động tín dụng xuất khẩu của NHPTVN vẫn còn một số tồn tại, bất cập sau:

Thứ nhất, các hình thức hỗ trợ xuất khẩu còn đơn điệu, chưa đầy đủ và đồng bộ, hầu như mới chỉ dừng lại ở hình thức hỗ trợ tài chính trực tiếp thông qua việc cấp tín dụng cho doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu. Các hình thức hỗ trợ theo thông lệ quốc tế mà nhiều nước đã và đang áp dụng như bảo lãnh tín dụng xuất khẩu, tín dụng cho người mua (nhà nhập khẩu nước ngoài), bảo hiểm tín dụng xuất khẩu... hầu như chưa được triển khai. Các dịch vụ đi kèm như thanh toán trong nước, thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ... cũng chưa được triển khai nên việc cho vay chủ yếu bằng VND, làm gia tăng chi phí và rủi ro tỉ giá cho các doanh nghiệp vay vốn khi phải quy đổi tiền tệ từ các loại tiền phải thu, phải trả sang loại tiền phải

thanh toán nợ vay.

Thứ hai, nguồn vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước hiện nay còn hạn chế, mới chỉ tập trung hỗ trợ cho người kinh doanh thu mua, chưa hỗ trợ cho những người trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu. Số lượng doanh nghiệp xuất khẩu được tiếp cận và hưởng ưu đãi từ tín dụng xuất khẩu của Nhà nước không nhiều trên tổng số doanh nghiệp đối tượng được vay. Doanh số cho vay mặc dù tăng trưởng tốt nhưng phân bố không đều giữa các loại hình doanh nghiệp. Về nguyên tắc đối tượng được nhận sự tài trợ không phân biệt giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp lớn hay nhỏ. Tuy nhiên, do điều kiện để nhận hỗ trợ quy định giống nhau giữa các doanh nghiệp nên trên thực tế đối tượng nhận được hỗ trợ tài chính chủ yếu lại là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, do tiềm lực tài chính hạn chế, khó khăn về tài sản thế chấp, thiếu kiến thức và kinh nghiệm trong xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn... nên thường rất khó tiếp cận và khai thác, sử dụng nguồn vốn này.

Thứ ba, doanh số cho vay tập trung quá lớn vào một số ngành hàng nhất định nên tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vai trò tài trợ trong một số lĩnh vực trọng yếu như xuất khẩu cá basa, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa... chưa thể hiện rõ nét, chưa đáp ứng được nhu cầu vay thực tế của doanh nghiệp (mới chỉ đáp ứng được khoảng 15% nhu cầu). Việc giải ngân đôi khi chậm trễ, gây nên những khó khăn cho khách hàng trong quá trình ký kết và thực hiện các hợp đồng xuất khẩu do vốn vay không được đáp ứng kịp thời, không phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng xuất khẩu.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, vướng mắc nêu trên. Theo tác giả, một số nguyên nhân chính là:

(i) Cơ chế, chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước chưa hoàn thiện, chậm đổi mới, nhiều quy định không phù hợp với thực tế. Để gia tăng quy mô tín dụng xuất khẩu, điều kiện trước hết là ngân hàng phải có lượng vốn lớn. Tuy nhiên, theo chế độ hiện hành, NHPTVN không được huy động tiền gửi bằng VND và các ngoại tệ khác từ cá nhân. Lãi suất cho vay mặc

dù đã hướng dẫn tới sự phù hợp với các quy định của WTO do không còn ưu đãi lớn như trước đây nhưng lại cứng nhắc, không theo kịp sự thay đổi lãi suất trên thị trường. Theo chế độ hiện hành, lãi suất cho vay xuất khẩu của NHPTVN do Bộ Tài chính công bố dựa vào lãi suất trái phiếu Chính phủ (đối với cho vay bằng VND) và lãi suất SIBOR (đối với cho vay bằng USD) cộng (+) thêm một tỉ lệ % nhất định tùy theo loại cho vay để đủ bù đắp chi phí quản lý hoạt động của ngân hàng. Như vậy, về mặt lý thuyết, lãi suất cho vay xuất khẩu của NHPTVN luôn nhỏ hơn (<) lãi suất cho vay của các NHTM (Lãi suất cho vay của NHTM = lãi suất huy động + phí huy động, phí quản lý + tỉ suất lợi nhuận của ngân hàng). Tuy nhiên, trên thực tế do việc công bố lãi suất của Bộ Tài chính không theo kịp diễn biến thực tế lãi suất thị trường nên có thời điểm lãi suất cho vay của NHPT lại lớn hơn (>) lãi suất cho vay của các NHTM, dẫn đến doanh nghiệp không muốn vay tại NHPT, nói cách khác mục tiêu hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp để đẩy mạnh xuất khẩu không thực hiện được. Bên cạnh đó, chính sách về các hình thức tín dụng hỗ trợ xuất khẩu vẫn còn bỏ ngỏ. Đến đầu năm 2009 Chính phủ mới ban hành Quy chế về hoạt động bảo lãnh tín dụng qua NHPTVN. Việc đưa một số mặt hàng như đường, động cơ diezen, cấu kiện thiết bị toàn bộ, máy tính nguyên chiếc, phụ kiện máy tính, phần mềm tin học vào danh mục những mặt hàng được hỗ trợ thông qua chính sách tín dụng xuất khẩu mặc dù có tính định hướng dài hạn, nhưng thực tế hiện nay các hoạt động xuất khẩu những mặt hàng này hầu như chưa triển khai được nên cũng không phát sinh nhu cầu vay vốn xuất khẩu tại NHPTVN.

(ii) Do NHPTVN mới chính thức hoạt động được hơn 2 năm nên công tác tổ chức quản lý cũng như quá trình triển khai thực hiện chính sách tín dụng xuất khẩu không thể tránh khỏi tình trạng còn nhiều lúng túng, bỡ ngỡ do chưa có kinh nghiệm. Thủ tục, quy trình thẩm định, phê duyệt, giải ngân còn phức tạp; thời gian thẩm định hồ sơ vay vốn còn kéo dài hơn so với các ngân hàng thương mại. Chất lượng thẩm định các dự án, chương trình lớn còn nhiều hạn chế, vướng mắc gây khó khăn cho khách hàng vay. Công tác

xây dựng hệ thống thông tin khách hàng, thông tin thị trường, thông tin về các mặt hàng xuất khẩu chưa được quan tâm đầu tư thoả đáng, cơ sở vật chất kĩ thuật chưa hoàn thiện. Hơn nữa số lượng, năng lực và trình độ cán bộ còn hạn chế, nhất là cán bộ thuộc bộ phận nghiệp vụ tín dụng xuất khẩu còn thiếu và yếu, chưa có kinh nghiệm về tín dụng và ngoại thương...

2. Giải pháp đối với hoạt động tín dụng Nhà nước hỗ trợ xuất khẩu

Để thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu nhanh và vững chắc, chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng chú trọng các mặt hàng có giá trị gia tăng lớn; khuyến khích các doanh nghiệp khai thác và sản xuất các sản phẩm mới, tiếp nhận và thích ứng công nghệ tiên tiến, phương pháp sản xuất, thiết bị, máy móc hiện đại; khuyến khích xuất khẩu các mặt hàng mà các doanh nghiệp Việt Nam có lợi thế, sử dụng nhiều lao động, các ngành nghề truyền thống; tăng hàm lượng chế biến và phát triển các hoạt động phụ trợ phục vụ xuất khẩu như vận tải, bảo hiểm hàng hoá của Việt Nam cần áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp cả trên tầm vĩ mô và vi mô, trong đó tiếp tục hoàn thiện chính sách tín dụng hỗ trợ xuất khẩu của Nhà nước và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của NHPTVN là những giải pháp quan trọng.

Việc hoàn thiện chính sách tín dụng xuất khẩu trong thời gian tới theo chúng tôi phải hướng tới các mục tiêu:

- Không tạo ra một kênh bao cấp từ phía Nhà nước cho các doanh nghiệp xuất khẩu, từng bước loại bỏ các hình thức hỗ trợ tài chính trực tiếp, mở rộng và đa dạng hoá các hình thức hỗ trợ gián tiếp, thúc đẩy khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ của Việt Nam.

- Hình thức và mức độ hỗ trợ phải phù hợp và không vi phạm những quy định của WTO và thông lệ thương mại quốc tế, chính sách hỗ trợ phải được thiết kế một cách tổng thể, tùy thuộc vào tiềm lực tài chính Nhà nước và điều kiện thực tế của nền kinh tế Việt Nam.

Với các mục tiêu trên, hệ thống chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ xuất khẩu cần được triển khai đồng bộ, có bước đi thích hợp, phù hợp với lộ trình hội nhập đã cam kết và điều kiện thực tế của Việt

Nam. áp dụng nhiều hình thức và mức độ hỗ trợ khác nhau cho phù hợp với nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu trong từng giai đoạn nhằm đảm bảo mục tiêu hỗ trợ tối đa cho hoạt động xuất khẩu nhưng vẫn tuân thủ các quy định và thông lệ quốc tế.

Sau đây là một số giải pháp cơ bản:

Thứ nhất, nghiên cứu và từng bước áp dụng các hình thức hỗ trợ tín dụng cho xuất khẩu theo thông lệ quốc tế.

Đa dạng hoá hình thức hỗ trợ

Từ chỗ chủ yếu là cho vay trực tiếp như hiện nay chính sách tín dụng ưu đãi phải mở rộng thêm các hình thức bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu hối phiếu, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu. Thực hiện kết hợp cho vay với bảo lãnh, cho vay và bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo lãnh với bảo hiểm hoặc cả ba hình thức cho các doanh nghiệp trong quá trình tham gia vào hoạt động xuất khẩu nhằm tạo ra nhiều tầng nấc hỗ trợ khác nhau, đảm bảo mục tiêu giảm thiểu và san sẻ rủi ro trong hoạt động xuất khẩu phù hợp với nhu cầu thực tế và không trái với luật lệ quốc tế.

Đối với nghiệp vụ bảo lãnh, kết quả khảo sát tại các doanh nghiệp xuất khẩu thời gian qua cho thấy sự hiểu biết cũng như nhu cầu của các doanh nghiệp về loại hình hỗ trợ bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng không nhiều, chủ yếu là nhu cầu bảo lãnh vay vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, trước mắt NHPTVN cần nghiên cứu và sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hoá quy chế bảo lãnh vay vốn của doanh nghiệp vừa và nhỏ để các doanh nghiệp này nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng chính thức.

Từng bước mở rộng các đối tượng được tiếp cận nguồn vốn tín dụng xuất khẩu phù hợp với nguồn lực tài chính và chiến lược xuất khẩu của Việt Nam

Cùng với việc cấp tín dụng cho nhà xuất khẩu trong nước cần nghiên cứu và từng bước phát triển các hình thức tín dụng cho nhà nhập khẩu ở nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ do Việt Nam sản xuất nằm trong danh mục hàng hoá, dịch vụ vay vốn tín dụng xuất khẩu được Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương nước nhập khẩu bảo lãnh.

Hình thức cho vay này có thể thực hiện qua hai kênh:

- Cho vay trực tiếp nhà nhập khẩu: nghiệp vụ này đòi hỏi rất nhiều thông tin và hệ thống quản lý tại nước của nhà nhập khẩu.

- Cho vay gián tiếp (cho vay lại) nhà nhập khẩu thông qua một ngân hàng tại nước của nhà nhập khẩu có quan hệ tốt với NHPTVN để cấp tín dụng cho nhà nhập khẩu.

Để thực hiện được nghiệp vụ này cần nghiên cứu ban hành các quy định về điều kiện, trình tự giải ngân chặt chẽ, tổ chức tốt quan hệ với Đại sứ quán, Lãnh sự quán hoặc Đại diện thương mại của Việt Nam để phối hợp thu thập và cập nhật thông tin phục vụ quản lý các khoản vay.

Phát triển hình thức bảo hiểm tín dụng xuất khẩu

Nhằm hỗ trợ đắc lực cho hoạt động xuất khẩu những ngành hàng có nhiều rủi ro, hoặc xuất khẩu vào các thị trường có nhiều biến động, đặc biệt là từ các rủi ro chính trị cần nghiên cứu triển khai các hình thức bảo hiểm tín dụng xuất khẩu. Mặc dù có những đặc thù riêng đối với người bán và người mua, nhưng việc triển khai bảo hiểm tín dụng xuất khẩu đều có một số yêu cầu chung như: cơ sở dữ liệu về nhà nhập khẩu, cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống đại lý tác nghiệp ở nước ngoài để cung cấp các dịch vụ thu nợ, dịch vụ tư vấn pháp lý, cơ chế tính phí bảo hiểm, cơ chế bù đắp thiệt hại rủi ro... Vì vậy, để triển khai dịch vụ bảo hiểm tín dụng xuất khẩu cần nghiên cứu ban hành cơ chế hoạt động và mô hình tổ chức thích hợp với từng hình thức bảo hiểm tín dụng xuất khẩu.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện các quy chế về tín dụng xuất khẩu.

Với mục tiêu tăng cường hỗ trợ cho xuất khẩu và phù hợp với nguồn lực tài chính trong nước, chính sách tín dụng xuất khẩu cần tập trung vào các vấn đề sau:

- *Về nguồn vốn cho vay*: ngoài các nguồn vốn hiện hành nên chăng cho phép NHPT cũng được huy động các nguồn tiền gửi tiết kiệm (bằng VND, USD...) từ cá nhân và các nguồn vốn ngắn hạn khác để gia tăng quy mô nguồn vốn tín dụng xuất khẩu. Tất nhiên, khi được phép huy động các nguồn ngắn hạn, NHPT cũng phải thực hiện các quy định về dự trữ bắt buộc như các tổ chức tín dụng khác.

- Về đối tượng cho vay: Cho vay xuất khẩu là hoạt động tín dụng được tất cả các NHTM và các tổ chức tín dụng khác triển khai. Vì vậy, trong điều kiện nguồn vốn hạn chế và với mục tiêu như đã nêu trên, chính sách tín dụng ưu đãi đối với hoạt động xuất khẩu của Nhà nước cần xác định rõ ngành nghề, vùng, lĩnh vực được Nhà nước ưu tiên phát triển. Trước mắt, cần tập trung cho vay các lĩnh vực tận dụng được nhiều nguồn lao động, ngành nghề truyền thống thuộc các vùng kinh tế kém phát triển; sau đó mới đến các ngành tin học, phần mềm máy tính, động cơ diesel, cấu kiện thiết bị toàn bộ...

- Về điều kiện cho vay: Giống như các hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng khác, tín dụng Nhà nước cũng cần phải quy định cụ thể về điều kiện vay, bởi đây chính là những căn cứ pháp lý cần thiết để ràng buộc người vay, góp phần xóa bỏ quan niệm trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, xoá bỏ tư tưởng "xin cho" đã ăn sâu vào tâm niệm của nhiều người, nhiều doanh nghiệp Việt Nam. Các điều kiện cho vay cần linh hoạt theo đối tượng khách hàng không nên cố định cho mọi khách hàng (doanh nghiệp lớn cũng như doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhà nước cũng như doanh nghiệp dân doanh) như hiện nay. Từng bước kết hợp việc chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng theo tiêu chuẩn quốc tế. Cho phép NHPTVN được chủ động hơn trong việc điều hành lãi suất cho vay theo lãi suất thị trường. Bổ sung hướng dẫn giải ngân đối với nhu cầu vay vốn bằng ngoại tệ để nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu đầu vào phục vụ cho xuất khẩu.

Thứ ba, thiết lập hệ thống thông tin tín dụng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phân cấp quản lý cho vay trong hệ thống NHPTVN.

Thông tin tín dụng đầy đủ, kịp thời và chính xác là điều kiện cần thiết để xác định đúng đối tượng vay và quản lý tình hình cho vay. Vì vậy, cần xây dựng hệ thống thông tin liên tục về môi trường kinh doanh, về mặt hàng xuất nhập khẩu, về khách hàng vay... Để các khoản cho vay rót đúng địa chỉ cần được ưu đãi, đồng thời cũng là để đảm bảo thu hồi nợ đầy đủ, kịp thời, ngăn ngừa và hạn chế rủi ro cần tăng cường kiểm tra, giám sát các khoản vay cả trước, trong và sau giải ngân. Việc phân cấp phê

duyet và quản lý cho vay cũng cần phải được định kỳ đánh giá và có biện pháp điều chỉnh gắn với năng lực thực hiện cũng như chất lượng tín dụng của các chi nhánh.

Áp dụng đồng bộ các giải pháp nêu trên là điều kiện cần thiết giúp NHPTVN không chỉ triển khai thực hiện tốt chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước mà còn góp phần bảo đảm an toàn tín dụng, hạn chế tới mức thấp nhất những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra. ♦

Tài liệu tham khảo

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam, *Báo cáo tổng kết năm 2006, 2007, 2008*.
2. Chính phủ, *Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 về tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19/9/2008 về sửa đổi tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, nhưng không sửa đổi tín dụng xuất khẩu.*

Summary

The global economic crisis has sent a warning to every country in ensuring credit safety so as to minimize the possible risks. In Vietnam, the Government has taken many effective measures, which has motivated economic development, maintained export turnover and most importantly, ensured the stability and unity in the whole banking system. The Governments export credit policies implemented through Vietnam Development Bank have resulted in considerable improvements in interest rate, borrowing procedures, etc, creating favorable opportunities for enterprises in accessing the loans. However, the limitation on financial resources, loan forms, procedures, rating regulation, approval and disbursement in recent time has not only affected enterprises' accessibility to loans but also reduced the working performances of the bank. Therefore, it is urgent to solve these problems immediately so as to foster the exports and stabilize macro-economy in the present time.